

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 27

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:

Sáng: Bún thái hải sản (mực, nghêu, tôm, cà chua, thơm, riềng, sả cây, ngò gai, hành lá, ngò rí, nước dừa tươi, húng quế)
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Cá tai tượng kho tộ, hành baro
- Canh chua thịt gà, lá giang, đậu hũ non, hành lá, ngò rí, nấm kim châm
Xế: Sữa chua
Xế chiều: Súp thịt băm bắp hạt, khoai lang, nấm đông cô tươi, đậu hà lan tươi, trứng gà, bột năng, hành lá, ngò rí

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	300	3,140	9,420
2	0494	Đường cát	100	3,880	3,880
3	N0966	Muối löt	100	740	740
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	200	4,180	8,360
5	0004	Gạo tẻ máy	1,700	2,560	43,520
6	0120	Hành lá (hành hoa)	50	5,360	2,680
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,820	4,410
8	N0956	Bún gạo 3 Cây dừa	300	4,950	14,850
9	0632	Mực ống	200	36,650	73,300
10	0439	Nghêu biển trắng (ngao)	300	6,300	18,900
11	0424	Tôm sú	100	30,980	30,980
12	0087	Cà chua	300	5,670	17,010
13	0158	Rau húng	50	11,870	5,935
14	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	50	6,410	3,205
15	0537	Nước dừa non tươi	200	3,890	7,780
16	N0754	Sả cây	50	2,840	1,420
17	0226	Khóm (Dứa ta)	300	2,940	8,820
18	N5919	củ riềng	20	5,780	1,156
19	0186	Tỏi tây (cà lá)	100	8,610	8,610
20	0637	Cá tai tượng	1,700	14,280	242,760
21	N0821	Đậu hũ non (đậu phụ non)	200	8,066.7	16,133
22	N0847	Lá giang	200	14,490	28,980
23	N0965	Nấm kim châm	100	10,610	10,610
24	N0772	Thịt ức gà	300	12,920	38,760

25	0649	Bột năng	200	4,637.5	9,275
26	0007	Ngô bắp tươi	300	3,990	11,970
27	0055	Đậu Hà lan (hạt)	50	63,420	31,710
28	0031	Khoai lang	200	4,100	8,200
29	0209	Nấm hương tươi (nấm đông cô)	100	22,050	22,050
30	0451	Trứng gà công nghiệp	180	7,333.3	13,200
31	N0770	Thịt nạc dăm	400	18,800	75,200
32	0457	Sữa bột toàn phần	476.76	20,500	97,736
33	0455	Sữa chua	1,350	9,440	127,440
Tổng cộng					999,000

Tổng tiền thực phẩm	999,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	999,001
Số dư đầu ngày	1
Số dư cuối ngày	1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	20,979,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	20,978,999

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan